

Bản án số: 49 /2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/10/2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Quân; Ông Bùi Văn Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2021/TLST - HNGĐ, ngày 22/3/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/7/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 13/TB-TA ngày 21/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm 1983, HKTT: Thôn Đ, xã K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

Bị đơn: Chị **Trần Thị H**; sinh năm 1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Malaixia (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau vào ngày 06/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, việc kết hôn được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu khoảng gần 6 năm. Ngày 16/11/2016, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với nghề đi biển đánh bắt xa bờ. Đến khoảng tháng 9/2017, sau hơn 9 tháng đi biển tàu cập bờ và liên lạc về gia đình thì anh nghe tin vợ theo người khác vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống bỏ hai con lại cho ông bà nội nuôi. Sau đó, anh đã tìm cách liên lạc và khuyên bảo chị H về nhà để chăm sóc các con nhưng chị H không nghe. Đến tháng 02/2018 chị H đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, cũng trong năm 2018

anh hoàn thành hợp đồng lao động tại Hàn Quốc và trở về Việt Nam. Hiện tại, anh không xác định được địa chỉ cụ thể của chị H tại Malaysia, anh nhận thấy vợ chồng đã sống cách xa nhau gần 05 năm nay, không còn sự quan tâm, liên lạc hay chia sẻ gì với nhau, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

*Về quan hệ con chung:* Quá trình hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị H có 02 con chung là Nguyễn Gia N, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Trần Thảo L, sinh ngày 04/7/2014. Hiện các cháu đang sống cùng anh, khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Trần Thị H hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Trần Thị H chỉ trình bày ý kiến thông qua ứng dụng Messenger trên điện thoại với nội dung: Chị kết hôn với anh Đại vào ngày 06/12/2010 tại UBND xã K, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh Đại đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng sống cách xa nhau nên tình cảm phai nhạt. Đến tháng 02/2018, chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Hiện tại, anh Đại đã lấy vợ nên mới đề nghị ly hôn, chị xác định không còn tình cảm gì với anh Đại nữa và cũng đồng ý ly hôn. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Tiến Đ có 02 con chung là Nguyễn Gia N, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Trần Thảo L, sinh ngày 04/7/2014. Hiện các cháu đang sống cùng anh Đại nhưng khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, việc đóng góp cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là đất đai, nhà cửa nên đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn thì giải quyết về tài sản chung luôn. Tuy nhiên, chị H không gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào về cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ. Xử cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn với chị Trần Thị H; Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Gia N, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Trần Thảo L, sinh ngày 04/7/2014 cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Trần Thị H không phải đóng góp cấp dưỡng và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Tiến Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản xác minh, chị Trần Thị H có ý kiến khi giải quyết ly hôn phải giải quyết tài sản chung vợ chồng nhưng chị không gửi bất cứ tài liệu văn bản nào để chứng minh cho yêu cầu của mình, cũng chưa xác định được thời gian cụ thể

nào chị có thể về Việt Nam. Vì vậy, cần tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác sau khi chị Trần Thị H về Việt Nam là vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Do đó, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị H hiện đang lao động tự do tại Malaysia không rõ địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 7204/QLXNC - P5, ngày 30/3/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Trần Thị H, sinh ngày 06/6/1992, HKTT: Thôn Đ, xã K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 01 lần vào ngày 04/5/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân chị Trần Thị H là bà Nguyễn Thị Huyền (mẹ đẻ chị H) nhiều lần mà thân nhân của chị H không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, chị H cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Trần Thị H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 06/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2016 anh Đại đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, do vợ chồng sống cách xa nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Đại là chị H bỏ đi chung sống với người đàn ông khác, anh đã khuyên ngăn quay về chăm lo cho các con và gia đình nhưng không thành, còn theo chị H, hiện tại anh Đại cũng đã kết hôn và chung sống với người phụ nữ khác nên chị không còn tình cảm gì để níu kéo anh Đại nữa. Do đó, anh Đại và chị H đều nhận thấy không còn tình cảm gì với nhau và đều nhất trí ly hôn.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân của anh Đại và chị H không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc,

chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tiến Đ xử cho anh được ly hôn chị Trần Thị H để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Trần Thị H có 02 con chung là Nguyễn Gia N, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Trần Thảo L, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, Anh Đại và chị H đều có nguyện vọng được nhận nuôi dưỡng hai con chung. Yêu cầu, nguyện vọng của anh Đại và chị H là chính đáng. Tuy nhiên, xét thấy từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, cháu Nghĩa và Thảo Ly sống cùng anh Nguyễn Tiến Đ, các cháu được chăm sóc và phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, hiện các cháu đang theo học tại trường Tiểu học Kỳ Hà, huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh. Anh Đại là lao động phổ thông, thu nhập 8.000.000đ/tháng, sống cùng anh Đại các cháu có chỗ ăn ở sinh hoạt ổn định và thoải mái. Tại đơn trình bày nguyện vọng (bl 26, 27) hai cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng bố Nguyễn Tiến Đ để bố trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập. Chị Trần Thị H có nguyện vọng nuôi hai con nhưng hiện tại chị đang lao động tại Malaysia chưa biết thời gian nào mới về Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy hai con. Bà Nguyễn Thị Huyền (mẹ đẻ) chị Trần Thị H có đơn trình bày nguyện vọng muốn được chăm sóc một hoặc cả hai cháu, tuy nhiên xét bà tuổi đã cao, thu nhập không ổn định, anh Nguyễn Tiến Đ không đồng tình việc giao các cháu cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày của hai cháu Gia Nghĩa và Thảo Ly cần giao hai cháu cho anh Nguyễn Tiến Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung: Anh Nguyễn Tiến Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản xác minh, chị Trần Thị H có ý kiến khi giải quyết ly hôn phải giải quyết tài sản chung vợ chồng. Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho chị đầy đủ, yêu cầu chị gửi các văn bản tài liệu chứng minh tài sản chung vợ chồng để Tòa án xem xét. Ngày 01/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã trực tiếp tổng đạt Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 60/TB – TA ngày 30/6/2021 cho bà Nguyễn Thị Huyền (mẹ đẻ chị H). Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh không nhận được bất kỳ văn bản ý kiến nào từ chị H. Tại phiên tòa được mở lần thứ nhất, bà Nguyễn Thị Huyền đề nghị hoãn phiên tòa để chờ chị về Việt Nam để giải quyết ly hôn, chia tài sản chung. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và ra công văn số 827/2021/CV – TA ngày 18/8/2021 gia hạn thời hạn để chị thực hiện quyền tài sản, nhưng đến thời điểm phiên tòa được mở lần hai chị Trần Thị H cũng

không có văn bản gì gửi Tòa án. Do đó, để đảm bảo giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn một cách khách quan và toàn diện cần tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi chị Trần Thị H về Việt Nam. Nên trong vụ án này Tòa án sẽ không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Gia N, sinh ngày 22/8/2011, Nguyễn Trần Thảo L, sinh ngày 04/7/2014 cho anh Nguyễn Tiến Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cản, cản trở.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000141 ngày 22/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Hà;
- UBND xã Kỳ Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thu Hiền**

